

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ 2 NĂM HỌC 2025 – 2026. MÔN ĐỊA LÍ LỚP 12

I. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

- Phần trắc nghiệm (7đ): Nhiều phương án lựa chọn (12 câu = 3đ), TN đúng/sai (2 câu = 2đ), trả lời ngắn (4 câu = 2đ).
- Tự luận (3đ): Nhận xét bảng số liệu, câu hỏi lý thuyết.

II. GIỚI HẠN: Từ bài 19 đến bài 24

III. NỘI DUNG

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Tỉnh nào sau đây của Trung du và miền núi phía Bắc có chung đường biên giới với Lào và Trung Quốc?

- A. Lào Cai.
- B. Điện Biên.
- C. Tuyên Quang.
- D. Thái Nguyên.

Câu 2. Trung du và miền núi phía Bắc phát triển nhiệt điện chủ yếu từ nguồn năng lượng

- A. than đá.
- B. dầu mỏ.
- C. sinh học.
- D. khí đốt.

Câu 3. Trung du và miền núi phía Bắc là vùng dẫn đầu cả nước về số lượng

- A. lợn.
- B. gia cầm.
- C. bò.
- D. trâu.

Câu 4. Ở Trung du và miền núi phía Bắc, sản phẩm nào sau đây **không** phải là sản phẩm nông nghiệp chính?

- A. Chăn nuôi trâu.
- B. Trồng cây ăn quả.
- C. Cây dược liệu.
- D. Khai thác thủy sản.

Câu 5. Đồng bằng sông Hồng là vùng có

- A. mật độ dân số cao nhất cả nước.
- B. gia tăng dân số tự nhiên rất cao.
- C. số dân chiếm một nửa cả nước.
- D. tỉ lệ dân thành thị còn rất thấp.

Câu 6. Dân số vùng Đồng bằng sông Hồng có đặc điểm nào sau đây?

- A. Dân số đông, giảm mạnh.
- B. Dân số trung bình, biến động mạnh.
- C. Dân số đông, tăng liên tục.
- D. Dân số ít, biến động mạnh.

Câu 7. Đặc khu nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Hồng?

- A. Cần Cỏ.
- B. Lý Sơn.
- C. Phú Quý.
- D. Bạch Long Vĩ.

Câu 8. Đặc khu nào sau đây thuộc Bắc Trung Bộ?

- A. Phú Quý.
- B. Cần Cỏ.
- C. Hoàng Sa.
- D. Cô Tô.

Câu 10. Các tỉnh nào sau đây **không** thuộc Bắc Trung Bộ?

- A. Thanh Hoá, Nghệ An.
- B. Hà Tĩnh, Quảng Trị.
- C. Ninh Bình, Quảng Trị.
- D. Quảng Trị, TP. Huế.

Câu 11. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng về dân số Bắc Trung Bộ?

- A. Dân cư tập trung chủ yếu ở phía tây của vùng.
- B. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở mức trung bình cả nước.
- C. Trong vùng có nhiều dân tộc khác nhau sinh sống.
- D. Tỉ lệ dân thành thị thấp hơn trung bình cả nước.

Câu 12. Sản phẩm chủ yếu của ngành trồng trọt ở các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là

- A. cà phê, điều, cói.
- B. cao su, mía, cam.
- C. lạc, mía, lúa.
- D. hồ tiêu, dừa, bông.

Câu 13. Ngành chăn nuôi của Bắc Trung Bộ có đặc điểm nào sau đây?

- A. Số lượng đàn gia súc đứng đầu cả nước.
- B. Đang phát triển theo hướng hàng hóa.
- C. Bò sữa được nuôi phổ biến ở các tỉnh.
- D. Gia cầm nuôi theo trang trại còn hạn chế.

Câu 14. Ngành lâm nghiệp của Bắc Trung Bộ có đặc điểm nào sau đây?

- A. Tỉnh Quảng Trị khai thác gỗ nhiều nhất vùng.
- B. Tiến hành khai thác gỗ ở tất cả các loại rừng.
- C. Sản lượng gỗ khai thác tăng không liên tục.

D. Đang đẩy mạnh khai thác và chế biến gỗ.

Câu 15. Ngành trồng trọt của Bắc Trung Bộ có đặc điểm nào sau đây?

- A. Lúa trồng nhiều ở Quảng Trị, TP Huế B. Cao su được trồng phổ biến ở vùng đồi núi.
C. Lúa là cây lương thực chủ yếu của vùng. D. Mía được trồng chủ yếu ở đất cát ven biển.

Câu 16. Nông nghiệp ở Bắc Trung Bộ có sự thay đổi theo hướng

- A. ứng dụng công nghệ hiện đại, sản xuất tập trung.
B. chú trọng các mô hình chăn nuôi hướng tự nhiên.
C. tập trung đẩy mạnh khai thác thủy sản ở ven bờ.
D. tăng diện tích trồng cây lương thực, cây hoa màu.

Câu 17. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với ngành du lịch ở Bắc Trung Bộ hiện nay?

- A. Hoạt động du lịch chưa tương xứng với tiềm năng.
B. Khách du lịch chiếm tỉ trọng cao nhất cả nước.
C. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng du lịch bền vững.
D. Đa dạng hoá các sản phẩm du lịch.

Câu 18. Ngành nuôi trồng thủy sản của Bắc Trung Bộ có đặc điểm là

- A. sản lượng nuôi trồng liên tục giảm. B. hạn chế áp dụng công nghệ hiện đại.
C. chủ yếu theo hình thức quảng canh. D. đối tượng nuôi ngày càng đa dạng.

Câu 19. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Bắc Trung Bộ?

- A. Phía Đông có vùng biển rộng lớn với nhiều đảo.
B. Là vùng có diện tích rộng lớn nhất nước ta.
C. Nằm trên trục giao thông huyết mạch của nước ta.
D. Lãnh thổ kéo dài theo chiều Bắc – Nam.

Câu 20. Hai tỉnh có diện tích lúa lớn nhất Bắc Trung Bộ là

- A. Thanh Hoá, Nghệ An. B. Hà Tĩnh, Quảng Trị.
C. Thanh Hoá, Quảng Trị. D. Quảng Trị, TP. Huế.

Câu 21. Nam Trung Bộ có vị trí giáp với hai nước láng giềng là

- A. Thái Lan, Lào. B. Trung Quốc, Lào.
C. Lào, Cam-pu-chia. D. Cam-pu-chia, Thái Lan.

Câu 22. Nguồn lao động ở Nam Trung Bộ

- A. khá dồi dào, trình độ ngày càng được nâng cao.
B. hầu hết tập trung hoạt động ở vùng nông thôn.
C. phần lớn làm việc ở khu vực đầu tư nước ngoài.
D. hàng năm tăng thêm khoảng một triệu người.

Câu 23. Cây công nghiệp quan trọng số một của vùng Nam Trung Bộ là

- A. cà phê. B. cao su. C. chè. D. điều.

Câu 24. Khai thác bô-xít ở Nam Trung Bộ cung cấp nguyên liệu chính để sản xuất

- A. nhiệt điện. B. phân lân. C. sắt thép. D. bột nhôm.

Câu 25. Đánh bắt hải sản của Nam Trung Bộ tập trung ở

- A. sông ngòi. B. hải đảo. C. ngư trường. D. vũng, vịnh.

Câu 26. Cây trồng chính của vùng Nam Trung Bộ là

- A. cây công nghiệp lâu năm. B. cây công nghiệp hàng năm.
C. cây lương thực, thực phẩm. D. cây dược liệu.

Câu 27. Cảng cửa ngõ quốc tế, đầu mối giao thông quan trọng của hành lang kinh tế Đông - Tây ở Nam Trung Bộ là

- A. Đà Nẵng. B. Khánh Hòa. C. Gia Lai. D. Lâm Đồng.

Câu 28. Các đồng muối nổi tiếng của vùng Nam Trung Bộ là

- A. Thuận An, Văn Lý. B. Cà Ná, Sa Huỳnh.
C. Cà Ná, Văn Lý. D. Sa Huỳnh, Thuận An.

Câu 29. Nhà máy thủy điện nào sau đây lớn nhất Nam Trung Bộ?

- A. Đa Nhim. B. Đrây Hlinh. C. Yaly. D. Sê San 3.

Câu 30. Vùng nào có sản lượng thủy sản đánh bắt lớn thứ 2 cả nước?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Bắc Trung Bộ.

C. Nam Trung Bộ.

D. Đông Nam Bộ.

Câu 31. Tỉnh nào ở Nam Trung Bộ có diện tích trồng cà phê lớn nhất?

A. Đắk Lắk.

B. Quảng Ngãi.

C. Gia Lai.

D. Lâm Đồng.

Câu 32. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về khai thác bô-xít ở Nam Trung Bộ?

A. Tập trung chủ yếu ở tỉnh Lâm Đồng.

B. Chưa xây dựng được các cơ sở chế biến.

C. Áp dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác.

D. Cần gắn liền với việc bảo vệ môi trường.

Câu 33. Ngành thủy điện ở Nam Trung Bộ hiện nay

A. có tiềm năng thủy điện lớn nhất cả nước.

B. đáp ứng toàn bộ nhu cầu điện của vùng.

C. có các bậc thang thủy điện trên sông lớn.

D. không có sự liên kết với ngành trồng trọt.

Câu 34. Ngành giao thông vận tải biển của Nam Trung Bộ hiện nay

A. khối lượng hàng hóa vận chuyển, luân chuyển rất nhỏ.

B. cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật ít được đầu tư.

C. chỉ hình thành các tuyến đường biển nội địa ven bờ.

D. có nhiều cảng biển và dịch vụ vận tải biển phát triển.

Câu 35. Phát triển kinh tế biển ở Nam Trung Bộ **không** tập trung vào hướng nào sau đây?

A. Hạn chế phát triển năng lượng tái tạo mới.

B. Thúc đẩy và nâng cao hiệu quả các khu kinh tế ven biển.

C. Phát triển kinh tế biển kết hợp với đảm bảo quốc phòng an ninh.

D. Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1. Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi phía Bắc có nhiều thế mạnh để phát triển cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt, ôn đới như: địa hình chủ yếu là đồi núi thấp, phần lớn là đất feralit; khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, phân hoá theo độ cao; dân cư, lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả ôn đới và cận nhiệt,... Các thế mạnh đã được khai thác mang lại thu nhập cho người dân, góp phần vào tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

a) Trung du và miền núi phía Bắc là vùng có mùa đông lạnh nhất nước ta.

b) Các loại cây ăn quả của vùng (mận, vải, đào,...) chủ yếu được trồng ở vùng núi cao có khí hậu lạnh.

c) Nguyên nhân chủ yếu để Trung du và miền núi phía Bắc phát triển cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt, ôn đới là do có đất feralit trên đá badan rộng lớn, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, phân hoá theo độ cao.

d) Mục đích chủ yếu của việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Trung du và miền núi phía Bắc là giải quyết việc làm, tăng sản phẩm hàng hóa, sử dụng hợp lý tài nguyên.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Hồng ở trung tâm Bắc Bộ, giáp với vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ, vịnh Bắc Bộ và Trung Quốc. Vùng có diện tích nhỏ nhưng mật độ dân số cao nhất cả nước. Vùng có địa hình bằng phẳng, đất phù sa màu mỡ, khí hậu mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh. Sông ngòi ở đây có giá trị nhiều mặt, tài nguyên khoáng sản quan trọng nhất là than.

a) Đồng bằng sông Hồng có mạng lưới sông ngòi dày đặc, đường bờ biển dài, nhiều đảo và quần đảo.

b) Đồng bằng sông Hồng có lợi thế để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới và trồng cây ưa lạnh trong vụ đông.

c) Dân số đông, mật độ dân số cao gây khó khăn cho giải quyết việc làm, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

d) Biện pháp quan trọng nhất để phát triển một số ngành công nghiệp mới ở Đồng bằng sông Hồng là khai thác nguồn nguyên liệu tại chỗ và phát huy ưu thế về vị trí chiến lược quan trọng.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Bắc Trung Bộ là khu vực có diện tích rừng trồng khá lớn trong cả nước, tạo nên nguồn nguyên liệu dồi dào cho việc sản xuất, chế biến và xuất khẩu sản phẩm gỗ rừng trồng. Tuy nhiên, so với tiềm năng thì hiệu quả ngành chế biến, xuất khẩu lâm sản các tỉnh còn hạn chế và quy mô nhỏ.

(Nguồn: Báo Nhân dân điện tử, <https://nhandan.vn/>, 2023)

a) Rừng ở Bắc Trung Bộ có diện tích lớn, chủ yếu là rừng tự nhiên, phân bố tập trung ở phía tây.

b) Diện tích rừng và sản lượng gỗ khai thác của Bắc Trung Bộ tăng qua các năm.

- c) Rừng đầu nguồn ở Bắc Trung Bộ đóng vai trò quan trọng trong việc phòng chống thiên tai, chắn gió, bão, ngăn cát bay, cát chảy vào đồng ruộng.
- d) Việc phát triển ngành chế biến gỗ và lâm sản giúp Bắc Trung Bộ khai thác hiệu quả tài nguyên rừng, tạo việc làm và đảm bảo cân bằng sinh thái.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Nhiều mô hình chăn nuôi áp dụng công nghệ cao đã hình thành và đem lại hiệu quả kinh tế cao. Năm 2023, Bắc Trung Bộ có số lượng đàn trâu, đàn bò đứng thứ hai cả nước, số lượng lợn và gia cầm tăng nhanh. Chăn nuôi trâu, bò phát triển mạnh ở Nghệ An, Thanh Hoá, Hà Tĩnh, bò sữa phát triển mạnh nhất ở Nghệ An. Lợn và gia cầm được nuôi ở hầu hết các tỉnh.

- a) Ngành chăn nuôi ở Bắc Trung Bộ hoàn toàn áp dụng công nghệ cao.
- b) Đàn trâu, bò của Bắc Trung Bộ được nuôi nhiều ở các vùng gò đồi trước núi.
- c) Đàn trâu được nuôi nhiều ở Bắc Trung Bộ chủ yếu do có điều kiện sinh thái thích hợp.
- d) Việc hình thành vùng tập trung chăn nuôi gia súc lớn ở Bắc Trung Bộ nhằm khai thác tốt thế mạnh, tạo nông sản hàng hóa.

Câu 5. Cho thông tin sau:

Nam Trung Bộ có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng và đối ngoại của cả nước. Vùng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế với các thế mạnh về cây công nghiệp lâu năm, thủy điện, lâm nghiệp, khai thác bô-xít và du lịch. Khí hậu của vùng có sự phân hóa thành hai mùa mưa - khô rõ rệt và theo độ cao địa hình. Tuy nhiên, mùa khô kéo dài 4 đến 5 tháng, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu,...tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

- a) Mùa khô ở Nam Trung Bộ diễn ra từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.
- b) Khí hậu của vùng Nam Trung Bộ mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.
- c) Điều kiện khí hậu tạo thuận lợi cho Nam Trung Bộ phát triển chủ yếu các cây công nghiệp lâu năm có nguồn gốc cận nhiệt đới.
- d) Bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước là những giải pháp để phát triển bền vững ở vùng Nam Trung Bộ.

PHẦN III. TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Ôn các công thức tính tốc độ tăng trưởng, cơ cấu, năng suất, tỉ số giới tính, tỉ lệ giới tính...

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Số trang trại chăn nuôi của Trung du và miền núi phía Bắc và cả nước năm 2015 và năm 2024
(Đơn vị: trang trại)

Năm	2015	2024
Cả nước	15068	14256
Trung du và miền núi Bắc Bộ	1327	1950

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2023, NXB Thống kê, 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ lệ trang trại chăn nuôi ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc trong tổng trang trại chăn nuôi cả nước năm 2024 so với năm 2015 tăng bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2. Từ số liệu câu 1, hãy cho biết năm 2024 số lượng trang trại chăn nuôi của vùng Trung du và miền núi phía Bắc tăng bao nhiêu % so với năm 2015, lấy năm 2015 làm gốc = 100% (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất).

Câu 3. Từ số liệu câu 1, hãy cho biết năm 2024 số lượng trang trại chăn nuôi của cả nước giảm bao nhiêu % so với năm 2015, lấy năm 2015 làm gốc = 100% (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất).

Câu 4. Năm 2024 vùng Đồng bằng sông Hồng có tổng diện tích là 2 127 nghìn ha, độ che phủ rừng là 21,0 %. Tính diện tích rừng của vùng trong năm 2024 (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn ha)

Câu 5. Năm 2024, Đồng bằng sông Hồng có diện tích lúa là 928,1 nghìn ha, năng suất lúa là 57,6 tạ/ha. Tính sản lượng lúa của đồng bằng sông Hồng năm 2024. (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ hai của triệu tấn?)

Câu 6. Mật độ dân số của vùng Nam Trung Bộ năm 2025 là 160 người/ km², diện tích 99,1 nghìn km². Hãy cho biết số dân của vùng Nam Trung Bộ năm 2025 là bao nhiêu triệu người (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất).

Câu 7. Năm 2024, vùng Bắc Trung Bộ có tỉ số giới tính là 99,93%, dân số nam là 5662,7 nghìn người. Hãy cho biết tỉ lệ giới tính nam chiếm bao nhiêu % trong tổng dân số của vùng năm 2024 (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất).

Câu 8. Cho bảng số liệu sau:

**SẢN LƯỢNG HẢI SẢN KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG
Ở NAM TRUNG BỘ, GIAI ĐOẠN 2015 – 2024**

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2015	2020	2024
Khai thác	921,7	1 164,8	1 249,3
Nuôi trồng	117,4	138,4	165,9

(Nguồn: Cục Thống kê các năm 2016, 2021 và 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết sản lượng thủy sản khai thác vùng Nam Trung Bộ năm 2024 so với năm 2015 tăng bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 8. Từ số liệu câu 8, hãy cho biết giai đoạn 2015 – 2024 sản lượng thủy sản khai thác tăng nhiều hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng bao nhiêu nghìn tấn (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

PHẦN IV. TỰ LUẬN

- Nhận xét, phân tích bảng số liệu về tình hình phát triển các ngành kinh tế của các vùng..
- Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của vùng Bắc Trung Bộ.
- Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển các ngành kinh tế của vùng Nam Trung Bộ.

-----**Hết**-----